

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 11 - 2022

V/v: Ly hôn giữa chị Kh và anh D

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Phạm Hồng Thiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Bà Vũ Thị Thủy – kiểm sát viên.

Ngày 15/11/2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự hôn nhân và gia đình thụ lý số 130/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐST- HNGĐ ngày 14/10/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Tô Thị Kh, sinh năm 1981 – *Đề nghị xét xử vắng mặt*

HKTT: TDP 9, thị trấn D Đ, huyện TT, tỉnh Thái Bình

Địa chỉ: tổ dân phố BT, thị trấn D Đ, TT, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1985 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: TDP 9, thị trấn D Đ, huyện TT, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các đơn gửi Tòa án, ý kiến tại phiên hòa giải nguyên đơn là chị Tô Thị Kh trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D Đ, huyện TT, tỉnh Thái Bình vào ngày 26/3/2005. Trong quá trình chung sống, do tính tình không hợp, nên vợ chồng xảy ra

nhiều mâu thuẫn. Ngày 19/10/2019, mâu thuẫn càng tăng nên chị chuyển ra ở riêng ly thân với anh D. Từ khi ly thân chị và anh D không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh D.

- *Về việc nuôi dưỡng con chung*: Chị và anh D có hai con chung là Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 16/02/2005 và Nguyễn Tiến S, sinh ngày 06/7/2007. Chị đề nghị trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị và anh D không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn D vắng mặt nên không thu thập được chứng cứ do anh Dũng cung cấp.

Tại biên bản xác minh ngày 11/10/2022 tại UBND thị trấn Diêm Điền có nội dung: Chị Tô Thị Kh và anh Nguyễn Văn D đăng ký kết hôn vào ngày 26/3/2005, đăng ký tại UBND thị trấn D Đ. Do có mâu thuẫn nên từ năm 2019 anh chị không cùng chung sống với nhau. Địa chỉ nơi cư trú của anh D hiện ở tại số nhà 365, tổ dân phố số 9, thị trấn D Đ, huyện TT, tỉnh Thái Bình là đúng.

Do không hòa giải được nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 xử cho chị Kh ly hôn anh D; Về con chung: Chị Kh và anh D có hai con chung là Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 16/02/2005 và Nguyễn Tiến S, sinh ngày 06/7/2007. Giao cho chị Kh trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, chị Kh không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Do các đương sự đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị Kh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T T, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn

vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do, nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

[2.1]. *Quan hệ hôn nhân:* Chị Tô Thị Kh và anh Nguyễn Văn D có đủ điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D Đ vào ngày 26/3/2005 theo quy định của pháp luật – là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nên giữa chị Kh và anh D phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh, chị ly thân từ năm 2019 đến nay. Tòa án đã gửi văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Dưng nhưng anh Dưng không đến làm việc nên không có giải pháp hòa giải cho anh, chị. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Kh và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Kh ly hôn anh D.

[2.2]. *Về con chung:* Chị Tô Thị Kh và anh Nguyễn Văn D có hai con chung là Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 16/02/2005 và Nguyễn Tiến S, sinh ngày 06/7/2007. Anh D vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, chị Kh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi hai con; hai con chung đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ, vậy nên giao cho chị Kh trực tiếp nuôi cả hai con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp, chị Kh không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung; Chị Kh và anh D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[2.3]. *Về phân chia tài sản chung:* Do các đương sự đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí:* Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí: Chị Kh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Tô Thị Kh ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về việc nuôi dưỡng con chung: Chị Tô Thị Kh và anh Nguyễn Văn D có hai con chung là Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 16/02/2005 và Nguyễn Tiến S, sinh ngày 06/7/2007. Giao cho chị Tô Thị Kh trực tiếp nuôi cả hai con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi; chị Kh không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung; Chị Kh và anh D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về phân chia tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tô Thị Kh phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004163 ngày 18/8/2022. Chị Tô Thị Kh đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Tô Thị Kh và anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện TT;
- UBND xã thị trấn D Đ (nơi ĐKKH);
- Thi hành án dân sự huyện TT;
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan

